

DỰ THẢO

BÁO CÁO TÓM TẮT TỔNG KẾT

Thi hành Luật Dầu khí năm 1993, sửa đổi bổ sung năm 2000 và 2008

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 năm 2020 và nhiệm vụ được giao tại các văn bản:

(i) Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 23 tháng 7 năm 2015 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược phát triển ngành Dầu khí Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035 (Nghị quyết số 41-NQ/TW), theo đó: “*Hoàn thiện thể chế phát triển ngành Dầu khí: - Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về dầu khí, trong đó quy định rõ về hoạt động dầu khí... Phân định rõ chức năng quản lý nhà nước về dầu khí. - Tăng cường phân công, phân cấp quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương, bảo đảm hiệu lực, tạo điều kiện kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong lĩnh vực dầu khí. - Xây dựng cơ chế, chính sách tăng cường thu hút nguồn lực từ các thành phần kinh tế, các tổ chức tài chính trong và ngoài nước để phát triển ngành Dầu khí. Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù thu hút đầu tư nước ngoài vào phát triển dầu khí trong nước tại những vùng nước sâu, xa bờ, vùng nhạy cảm*” (Điểm 1 Mục III - Nhiệm vụ và giải pháp);

(ii) Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết số 55-NQ/TW), theo đó: “*Sửa đổi, hoàn thiện các luật chuyên ngành về dầu khí, điện lực, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả...*” (Điểm 1 Mục III - Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu);

(iii) Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW, theo đó: “*Về Dầu khí: Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch phát triển và cơ chế chính sách đối với ngành dầu khí để đề xuất với Chính phủ các nội dung sửa đổi phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho ngành dầu khí Việt Nam phát triển từ khâu thượng nguồn đến trung nguồn và hạ nguồn*” (Điểm 1 Mục II - Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu);

(iv) Quyết định số 1748/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Dầu khí Việt Nam giai đoạn đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035, theo đó: “*Hoàn thiện thể chế phát triển ngành dầu khí*” (Điểm 1 Mục III - Nhiệm vụ và giải pháp);

(v) Thông báo số 2625/TB-TTKQH ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Tổng thư ký Quốc hội về kết luận của Chủ tịch Quốc hội tại buổi làm việc với Tập

đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) ngày 17 tháng 01 năm 2019, theo đó: “Về đề xuất kiến nghị sửa đổi liên quan đến Luật Dầu khí... đề nghị Tập đoàn khẩn trương báo cáo cơ quan có thẩm quyền để báo cáo Chính phủ có chỉ đạo rà soát, tổng kết việc thi hành các Luật và trình Quốc hội việc sửa đổi bổ sung theo đúng quy trình, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật”.

Bộ Công Thương đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan và tổ chức có liên quan rà soát, đánh giá thực trạng quy định pháp luật và tổng kết thi hành Luật Dầu khí ban hành năm 1993, được sửa đổi, bổ sung vào các năm 2000 và năm 2008, gồm các nội dung chính như sau:

- Đánh giá quá trình xây dựng, ban hành văn bản pháp luật về dầu khí và thực trạng hoạt động dầu khí từ năm 1993 đến nay;
- Đánh giá tình hình thực hiện các quy định của Luật Dầu khí và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Đề xuất xây dựng dự án Luật dầu khí (sửa đổi).

I. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN PHÁP LUẬT VỀ DẦU KHÍ VÀ THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG DẦU KHÍ TỪ NĂM 1993 ĐẾN NAY

1. Quá trình xây dựng, ban hành văn bản pháp luật về dầu khí

Dầu khí là một ngành đặc thù. Các hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ, khai thác dầu khí có rất nhiều rủi ro. Công tác chế tạo, vận chuyển, lắp đặt, vận hành, thu dọn công trình luôn có nhiều nguy cơ mất an toàn. Các hoạt động khoan, khai thác vận hành,... có nguy cơ thường trực về cháy, nổ, dầu khí phun... đặc biệt với các dự án dầu khí ngoài khơi điều kiện làm việc độc lập, xa bờ trong môi trường biển khắc nghiệt, có nhiều yếu tố khách quan, ngẫu nhiên nguy hiểm như sóng, gió bão, dòng chảy, thủy triều... Điều kiện làm việc lao động trong hoạt động dầu khí ngoài biển trong môi trường có độ ồn cao, nguy hiểm nhiều rủi ro, thời gian làm việc bị phụ thuộc vào thời tiết, điều kiện sóng, gió... Hoạt động dầu khí nói chung và đặc biệt là hoạt động dầu khí ngoài khơi yêu cầu rất cao đối với vấn đề an toàn cho con người, công trình và môi trường.

Luật Dầu khí của Việt Nam được Quốc hội Việt Nam thông qua ngày 06 tháng 7 năm 1993 mở đầu quan trọng cho việc hình thành khung pháp lý cho hoạt động tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí trong phạm vi lãnh thổ, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam. Từ đó tới nay, Luật Dầu khí đã được sửa đổi, bổ sung:

(i) Luật số 19/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dầu khí, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2000 (gọi tắt là Luật Dầu khí 2000).

(ii) Luật số 10/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dầu khí, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 (gọi tắt là Luật Dầu khí 2008).

(iii) Tại Điều 30 Luật số 35/2018/QH14 Sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018 đã bỏ từ "*quy hoạch*" tại Điểm a Khoản 2 Điều 38 của Luật Dầu khí.

Cùng với Luật Dầu khí, các văn bản dưới luật hướng dẫn thực hiện Luật Dầu khí và các văn bản bổ sung, sửa đổi Luật Dầu khí được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công Thương và các Bộ liên quan ban hành để quy định chi tiết các nội dung được giao tại Luật và hướng dẫn thực hiện các quy định trong phạm vi thẩm quyền của mình.

Danh sách các văn bản quy phạm pháp luật do Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công Thương và các Bộ, ngành liên quan ban hành một số để hoàn thiện hệ thống pháp luật về dầu khí, chi tiết các văn bản tại Phụ lục kèm theo.

Ngoài ra, hoạt động dầu khí còn sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật chuyên ngành có liên quan như Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp... (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Luật Dầu khí được xác định là "Luật gốc" trong các hoạt động dầu khí đã đề cập tương đối đầy đủ các nội dung liên quan đến việc quản lý, thực hiện các hoạt động dầu khí. Công tác triển khai thi hành Luật Dầu khí đã được Đảng, Chính phủ chỉ đạo sát sao, kịp thời các Bộ ngành, địa phương thực hiện một cách nghiêm túc, thống nhất, đồng bộ, kịp thời và nhận được sự đồng thuận của các tổ chức, cá nhân, Người điều hành, Nhà thầu dầu khí trong hoạt động dầu khí.

Luật Dầu khí cùng với các văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) quy định chi tiết và hướng dẫn trong những năm qua đã tạo điều kiện cho sự phát triển của ngành dầu khí trong lĩnh vực thăm dò, khai thác dầu khí, mang lại những đóng góp quan trọng vào ngân sách nhà nước, sự phát triển của đất nước. Những nội dung của Luật Dầu khí về cơ bản đã đảm bảo quyền và trách nhiệm của Nước Chủ nhà và nhà đầu tư, tiệm cận với thông lệ dầu khí quốc tế.

2. Thực trạng hoạt động dầu khí từ năm 1993 đến nay

Từ khi ra đời Luật Dầu khí năm 1993 đến hết năm 2019, số lượng hợp đồng dầu khí (PSC, PC, BCC) đã được ký là 84 Hợp đồng dầu khí (hoạt động dầu khí ngoài khơi đầu tiên được thực hiện bởi Hiệp định giữa 2 chính phủ Việt Nam - Liên Xô được ký năm 1981 về việc thành lập Liên doanh dầu khí Vietsovpetro). Nếu tính riêng từ giai đoạn có Luật Sửa đổi bổ sung Luật Dầu khí năm 2008 đến nay là 40 Hợp đồng. Trong giai đoạn kể từ đầu năm 2015 đến nay, với ảnh hưởng của giá dầu thế giới liên tục diễn biến ở mức thấp, số lượng Hợp đồng ký mới đã sụt giảm đáng kể nên chỉ có 4 Hợp đồng được ký kết.

Tính đến thời điểm cuối năm 2019: (i) Có 59 Hợp đồng đang có hiệu lực (19 Hợp đồng trong giai đoạn khai thác, 40 Hợp đồng trong giai đoạn tìm kiếm thăm dò (TKTD)/phát triển); 5 Hợp đồng đã và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực; (ii) Có 112 phát hiện dầu khí mới với trữ lượng dầu khí tại chỗ đã phát hiện của các bể trầm tích Đệ Tam của Việt Nam khoảng 1,5 tỷ m³ quy dầu, trong đó

dầu và condensate chiếm 49% và khí chiếm khoảng 51; (iii) Có tất cả 52 mỏ/dự án dầu khí trong nước đưa vào hoạt động/khai thác trong đó giai đoạn từ 2016-2019 chỉ đưa vào được 9 mỏ/dự án. Các mỏ khai thác dầu phần lớn nằm ở khu vực bể trầm tích Cửu Long trong khi tại khu vực bể Nam Côn Sơn, Sông Hồng, Mã Lai - Thổ Chu, các mỏ mới được đưa vào chủ yếu là mỏ khí hoặc khí condensate.

Các Hợp đồng dầu khí bao phủ hầu hết thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý của Việt Nam. Đồng thời một số dự án đã đóng góp tích cực trong việc tạo các căn cứ pháp lý quan trọng trong việc khẳng định chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam trên Biển Đông.

Về thu hút đầu tư nước ngoài: Tổng chi phí đã đầu tư để thực hiện các cam kết về thăm dò khai thác dầu khí trong các Hợp đồng dầu khí từ năm 2000 đến hết năm 2017 ước tính khoảng 50,5 tỷ USD, trong đó phần đóng góp của các nhà thầu nước ngoài khoảng 36,1 tỷ USD, chiếm 73% tổng chi phí đã thực hiện, phía Việt Nam đã đóng góp khoảng 14,4 tỷ USD, chiếm 27%. Các nhà đầu tư đã thu về khoảng 30 tỷ USD chi phí đã đầu tư.

Đến nay, ngành Dầu khí đã khai thác được trên 400 triệu tấn dầu và trên 150 tỷ m³ khí, góp phần quan trọng bảo đảm ngân sách Nhà nước, bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia và gìn giữ chủ quyền biển đảo. Trong giai đoạn 2006-2015, PVN - Doanh nghiệp nòng cốt của ngành Dầu khí đóng góp trung bình 20-25% tổng thu Ngân sách Nhà nước (NSNN) 18-25% GDP cả nước. Từ năm 2015 đến nay, trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước gặp nhiều khó khăn, giá dầu giảm mạnh, nhiều thách thức ảnh hưởng tiêu cực tới mọi mặt hoạt động của PVN, tuy nhiên PVN vẫn đóng góp khoảng 10% tổng thu NSNN (trong đó từ dầu thô là 5-6%), 10-13% GDP cả nước. Bên cạnh đó, PVN đã xây dựng được hệ thống công nghiệp dầu khí hoàn chỉnh, đồng bộ từ tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí đến phát triển công nghiệp khí - điện - chế biến và dịch vụ dầu khí, trong đó, lĩnh vực tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí là lĩnh vực cốt lõi.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA LUẬT DẦU KHÍ VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Các nội dung cơ bản của Luật Dầu khí cùng với các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn trong những năm qua đã tạo điều kiện cho sự phát triển của ngành dầu khí trong lĩnh vực thăm dò, khai thác dầu khí, cơ bản phù hợp với thông lệ dầu khí quốc tế, đảm bảo quyền và trách nhiệm của quốc gia, PVN và nhà đầu tư mang lại những đóng góp quan trọng vào NSNN, sự phát triển của đất nước.

Luật Dầu khí 1993 gồm 51 Điều (không có tên điều) được chia vào 9 Chương, được bố cục như sau:

- Chương I: Quy định chung (gồm Điều 1, Điều 2, Điều 3), Luật Dầu khí 2000 đã bổ sung thêm Điều 2a.

- Chương II: Hoạt động dầu khí (từ Điều 4 đến Điều 14).

- Chương III: Hợp đồng dầu khí (từ Điều 15 đến Điều 27).
- Chương IV: Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu (từ Điều 28 đến Điều 31).
- Chương V: Thuế và Lệ phí (từ Điều 32 đến Điều 37). Luật Dầu khí 2000 sửa đổi Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 36. Luật Dầu khí 2008 sửa đổi Điều 32 và bãi bỏ các Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37. Hiện nay Chương này chỉ còn Điều 32.
- Chương VI: Quản lý nhà nước về hoạt động dầu khí (Điều 38, Điều 39). Luật Dầu khí 2008 sửa đổi Điều 38 và bãi bỏ Điều 39. Hiện nay Chương này chỉ còn Điều 38.
- Chương VII: Thanh tra các hoạt động dầu khí (từ Điều 40 đến Điều 42).
- Chương VIII: Xử lý vi phạm (từ Điều 43 đến Điều 46).
- Chương IX: Điều khoản thi hành (từ Điều 47 đến Điều 51). Luật Dầu khí 2000 sửa đổi Điều 49.

Các nội dung đánh giá tập trung vào:

- (i) Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của hệ thống pháp luật về dầu khí.
 - (ii) Về đấu thầu trong lựa chọn nhà thầu thực hiện hợp đồng dầu khí.
 - (iii) Về Hợp đồng dầu khí.
 - (iv) Về quy trình, thủ tục đầu tư dự án trong hoạt động dầu khí.
 - (v) Về trữ lượng dầu khí, phát triển mỏ, thu dọn công trình cố định, thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động dầu khí.
 - (vi) Về thuế, lệ phí trong lĩnh vực dầu khí.
 - (vii) Về giải quyết tranh chấp, thanh tra và xử lý vi phạm trong hoạt động dầu khí.
 - (viii) Nội dung các điều ước, hiệp định quốc tế mà Việt Nam tham gia trong lĩnh vực dầu khí.
- (Chi tiết tại báo cáo đầy đủ).*

❖ Nhận xét và đánh giá chung:

Các quy định của Pháp luật về dầu khí điều chỉnh lĩnh vực cốt lõi của ngành dầu khí là hoạt động tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí (thượng nguồn) chủ yếu diễn ra tại các vùng biển, thềm lục địa Việt Nam có tính rủi ro cao, điều kiện môi trường, thời tiết khắc nghiệt. Các hoạt động của các lĩnh vực khác (trung nguồn, hạ nguồn, dịch vụ) được điều chỉnh bởi các văn bản pháp luật khác như: Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Đất đai,... Trong thời gian qua, các Cơ quan Trung ương, Chính phủ, Bộ, ngành đến địa phương, doanh nghiệp đơn vị, nhà đầu tư, Người điều hành dầu khí... đã thực hiện tương đối tốt các quy định của Luật Dầu khí và các VBQPPL hướng dẫn.

Luật Dầu khí đã được ban hành từ năm 1993, được sửa đổi bổ sung vào các năm 2000 và 2008, do vậy trên thực tế việc áp dụng Luật Dầu khí đã phát sinh một số bất cập, vướng mắc sau:

(i) Một số vấn đề thực tế mang tính đặc thù nhưng chưa được điều chỉnh bởi Luật Dầu khí và các VBQPPL hướng dẫn Luật hoặc quy định chưa phù hợp. Do vậy khi thực hiện phải tham chiếu các quy định pháp luật có liên quan song các quy định này chưa hoàn toàn phù hợp với đặc thù của hoạt động dầu khí nên việc vận dụng gặp khó khăn hoặc chưa đồng bộ.

(ii) Một số vấn đề được quy định trong Luật Dầu khí nhưng chưa đồng bộ, chồng chéo với các quy định pháp luật khác (như Luật Đầu tư, Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp).

(iii) Một số vấn đề đang được quy định tại các văn bản hướng dẫn Luật Dầu khí cần được quy định trong Luật Dầu khí để nâng cao hiệu lực thi hành và đảm bảo tính đồng bộ, tương thích với các Luật khác.

Cụ thể như sau:

1. Một số vấn đề thực tế phát sinh mang tính đặc thù của hoạt động dầu khí nhưng chưa được điều chỉnh bởi Luật Dầu khí và các VBQPPL hướng dẫn Luật hoặc quy định chưa phù hợp

(i) Chưa có quy định điều chỉnh đối với đối tượng dầu khí phi truyền thống (như khí sét, băng cháy, ...).

(ii) Chưa có quy định để phản ánh tình huống phát sinh thực tế là hệ thống thiết bị của các dự án khai thác dầu khí có thể phải được xây dựng ở ngoài diện tích hợp đồng đã được xác định ban đầu (gồm tuyến ống dẫn sản phẩm từ mỏ về bờ, nhà máy xử lý khí ở trên bờ, đường ống dẫn khí thương phẩm tới các hộ tiêu thụ, như trường hợp Dự án phát triển mỏ Cá Voi Xanh, Lô 117-118-119), được xây dựng, lắp đặt trên đất liền nên có vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai dự án.

(iii) Chưa có khung pháp lý phù hợp cho việc tiếp nhận tài sản sau khi Nhà thầu hoạt động khai thác chuyển giao cho nước chủ nhà vào thời điểm kết thúc hợp đồng dầu khí để có thể khai thác tận thu tối đa nguồn tài nguyên trong thời gian còn lại (khoảng từ 3 đến 5 năm) hoặc tiếp tục đầu tư tận thăm dò, gia tăng sản lượng khai thác (như trường hợp Lô 01/97&02/97, Lô 46/13,...).

(iv) Chưa có các cơ chế khuyến khích phù hợp cho việc phát triển khai thác các mỏ nhỏ cận biên, các hoạt động đầu tư bổ sung nhằm nâng cao hệ số thu hồi dầu (EOR).

(v) Các quy định pháp luật về khuyến khích đầu tư đối với các dự án dầu khí được ban hành từ lâu (năm 2005), đến nay một số tiêu chí không còn phù hợp với tình hình thực tế; chưa có quy định về dự án đặc biệt khuyến khích đầu tư dầu khí đối với các diện tích hợp đồng còn mở hiện tại vùng nước sâu xa bờ, nhạy cảm về quốc phòng - an ninh...

(vi) Quy định về thời hạn hợp đồng, gia hạn của hợp đồng dầu khí chưa linh hoạt để khuyến khích, ưu tiên cho nhà thầu dầu khí hiện hữu đầu tư lâu dài hơn (hợp đồng có thời hạn dài hơn hoặc theo đời mỏ).

(vii) Điều khoản ổn định pháp luật trong Luật Dầu khí (Điều 48 - “*Chính phủ Việt Nam bảo đảm các quyền lợi về kinh tế của các bên đã ký kết các Hiệp định, hợp đồng dầu khí và đã được Chính phủ Việt Nam chuẩn y trước ngày Luật này có hiệu lực*”) và trong Hợp đồng mẫu Hợp đồng Chia sản phẩm dầu khí ban hành kèm theo Nghị định số 33/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ (Điều 18.1.3) mới chỉ tập trung vào quyền lợi và nghĩa vụ thuế (thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất khẩu) trong khi quy định về bảo đảm đầu tư trong Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 có phạm vi rộng hơn (*Bảo đảm: quyền sở hữu tài sản, hoạt động đầu tư kinh doanh, quyền chuyển tài sản của nhà đầu tư nước ngoài ra nước ngoài, đầu tư kinh doanh trong trường hợp thay đổi pháp luật;...*) gây tâm lý không yên tâm cho các nhà đầu tư và có thể dẫn tới các tranh cãi trong quá trình triển khai hoạt động dầu khí theo quy định của các Hợp đồng dầu khí và pháp luật Việt Nam. Các quy định về Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp trong các Hợp đồng dầu khí cần được cập nhật, bổ sung phù hợp với thông lệ quốc tế trong bối cảnh Việt Nam đã hội nhập quốc tế sâu rộng.

(viii) Chưa có quy định về quyết toán dự án phù hợp với đặc thù của hoạt động tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí và thông lệ quốc tế. Hiện mới chỉ có hướng dẫn của Bộ Tài chính về việc vận dụng quyết toán dự án đầu tư xây dựng cơ bản theo Luật Xây dựng.

(ix) Chưa có quy định cụ thể cho trường hợp Nhà đầu tư thực hiện đầu tư cả chuỗi dự án từ khâu tìm kiếm thăm dò, khai thác, vận chuyển, xử lý, tàng trữ, chế biến dầu khí để khuyến khích các nhà thầu dầu khí đầu tư cho cả chuỗi dự án dầu khí.

(x) Chưa có quy định cho phép bên thứ ba được tiếp cận các hạ tầng cơ sở sẵn có của ngành dầu khí để nâng cao hiệu quả sử dụng.

2. Một số vấn đề được quy định trong Luật Dầu khí nhưng chưa đồng bộ, chồng chéo với các quy định pháp luật khác

(i) Một số VBQPPL mới được ban hành phát sinh các vấn đề chưa được quy định trong Hợp đồng dầu khí ký kết theo quy định của Luật Dầu khí ảnh hưởng đến việc triển khai hoạt động dầu khí của Nhà thầu (như: áp dụng tiền thuê mặt nước, mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp trong nước, việc các nhà thầu bán chung các sản phẩm của hoạt động dầu khí là đối tượng miễn trừ của Luật Cạnh tranh...) nên rất khó khăn trong việc hướng dẫn nhà thầu thực hiện nghĩa vụ tại thời điểm phát sinh, tiềm ẩn các khả năng phát sinh tranh chấp.

(ii) Theo Luật Dầu khí và các Nghị định hướng dẫn, đối với dự án dầu khí, PVN trình Bộ Công Thương (hồ sơ Dự án đầu tư dầu khí, Hợp đồng dầu khí, Kế hoạch phát triển mỏ,...) chủ trì xem xét, thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tại Điểm b Khoản 2 Điều 38 Luật Dầu khí quy định: “*Bộ*

Công Thương chịu trách nhiệm... chủ trì trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hợp đồng dầu khí, dự án đầu tư dầu khí theo quy định của pháp luật về đầu tư” .

Tuy nhiên, theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021: *“Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật Đầu tư và luật khác đã được ban hành trước ngày Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành về trình tự, thủ tục đầu tư kinh doanh, bảo đảm đầu tư thì thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư, trừ các trường hợp sau đây: ... đ) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục, điều kiện đầu tư kinh doanh theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Dầu khí”.*

Do vậy, cần có quy định cụ thể về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, điều kiện đầu tư kinh doanh trong pháp luật về dầu khí thay vì dẫn chéo sang Luật Đầu tư.

Bên cạnh đó, đối với PVN (doanh nghiệp nhà nước), PVEP (công ty 100% vốn của doanh nghiệp nhà nước) còn phải tuân thủ quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và các VBQPPL hướng dẫn Luật (hiện còn có quy định chồng chéo về các bước duyệt dự án: chủ trương đầu tư, báo cáo đầu tư,...). Do vậy, cần có sự nhất quán về việc phê duyệt các bước triển khai dự án tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí theo Luật Dầu khí, Luật Đầu tư và Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp để tạo môi trường đầu tư thuận lợi cho các doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực dầu khí.

(iii) Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam đã được xây dựng dựa trên nền tảng của hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế. Tuy nhiên, một số chuẩn mực kế toán quốc tế đã được các công ty dầu khí quốc tế áp dụng nhưng chưa được xây dựng và ban hành tại Việt Nam tương ứng, trong đó có 2 chuẩn mực ảnh hưởng lớn đối với lĩnh vực thăm dò và khai thác dầu khí bao gồm: (1) IAS 36 - *Tồn thất tài sản*: chuẩn mực này cho phép doanh nghiệp xác định tài sản có khả năng bị tổn thất và hướng dẫn cách ghi nhận/phản ánh giá trị tồn thất tài sản này vào báo cáo tài chính của doanh nghiệp; (2) IFRS 6 - *Thăm dò và đánh giá các tài nguyên khoáng sản*: chuẩn mực này quy định việc trình bày báo cáo tài chính đối với doanh nghiệp hoạt động thăm dò và đánh giá các tài nguyên khoáng sản. Chuẩn mực này một lần nữa cũng quy định doanh nghiệp cần phải xem xét sự giảm giá của tài sản khi có dấu hiệu cho thấy giá trị còn lại của tài sản sử dụng cho khai thác và đánh giá tài nguyên lớn hơn giá trị có thể thu hồi. Hiện tại, hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam chưa ban hành chuẩn mực tương tự và Các văn bản hướng dẫn hiện hành cũng chưa bao gồm 2 chuẩn mực nói trên. Do vậy:

- Các chi phí tìm kiếm thăm dò rủi ro không được ghi giảm ngay vào kỳ báo cáo mà đang được theo dõi trên bảng cân đối kế toán tại hạng mục tài sản dài hạn chờ phân bổ dần theo tỷ lệ sản lượng khai thác khi có phát hiện thương mại.

- Ngay cả trong quá trình khai thác, một số dự án gặp rủi ro trong dự báo trữ lượng thu hồi/sản lượng khai thác, một số dự án có giá thành cao hơn giá bán (đặc biệt khi giá dầu giảm sâu) nên hiệu quả kinh tế suy giảm, không thể thu hồi hết chi phí đã đầu tư, tuy nhiên các chi phí khai thác của các dự án này chỉ được

hạch toán phân bổ hàng tháng theo tỷ lệ sản lượng khai thác trong kỳ trên trữ lượng khai thác còn lại dự kiến đến hết đời mỏ.

(iv) Theo quy định tại Khoản 3 Điều 9 Luật Đầu tư, Hợp đồng dầu khí được coi như là hình thức Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC). Theo quy định tại Khoản 3 Điều 28 Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, cấm công ty mẹ - công ty con cùng nhau thực hiện BCC. Do vậy, các Hợp đồng dầu khí trước đây đã ký có sự tham gia của PVN và PVEP là chưa phù hợp với quy định hiện hành.

3 Một số vấn đề đang được quy định tại các văn bản hướng dẫn Luật Dầu khí cần được quy định trong Luật Dầu khí để nâng cao hiệu lực thi hành và đảm bảo tính đồng bộ, tương thích với các Luật khác

(i) Quy định về nghĩa vụ thu dọn công trình dầu khí mới chỉ được quy định tại Nghị định số 95/2015/NĐ-CP và Quyết định số 49/2017/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về thu dọn các công trình, thiết bị và phương tiện phục vụ hoạt động dầu khí (Quyết định số 49/2017/QĐ-TTg), cần thiết phải đưa vào Luật Dầu khí để nâng cao tính hiệu lực.

(ii) Quy định cụ thể hơn về các bước thực hiện dự án dầu khí (hiện đang được quy định tại Nghị định số 95/2015/NĐ-CP) để nâng cao hiệu lực thi hành và đảm bảo tính đồng bộ, tương thích với các Luật khác, gồm:

- Đấu thầu Lô dầu khí và đàm phán, ký kết Hợp đồng dầu khí (PSC).
- Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (GCNĐKĐT).
- Công tác tìm kiếm thăm dò dầu khí theo PSC.
- Việc lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo tài nguyên, trữ lượng dầu khí.
- Việc lập, thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phát triển mỏ đại cương (ODP).
- Việc lập, thẩm định, phê duyệt Kế hoạch khai thác sớm (EDP).
- Việc lập, thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phát triển mỏ (FDP), Kế hoạch phát triển mỏ điều chỉnh.
- Việc lập, thẩm định, phê duyệt Kế hoạch thu dọn mỏ, công trình dầu khí.

Ngoài những nội dung nêu trên, trong những năm gần đây nhiều Luật mới đã được ban hành, tác động tới nội dung, kết cấu của Luật Dầu khí và các hoạt động của ngành dầu khí như: Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, Luật số 62/2020/QH14 Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật Đầu tư số 67/2014/QH13, Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13, Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14, Luật Đất đai số 45/2013/QH13, Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13, Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13, Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14...

III. ĐỀ XUẤT XÂY DỰNG LUẬT DẦU KHÍ (SỬA ĐỔI)

1. Bối cảnh và một số yêu cầu xây dựng Luật Dầu khí (sửa đổi)

Luật Dầu khí ra đời năm 1993 là mốc quan trọng đánh dấu sự hình thành của hệ thống các văn bản pháp lý về dầu khí và được bổ sung, sửa đổi vào năm 2000 và năm 2008 để từng bước hoàn thiện.

Tuy nhiên, bối cảnh quốc tế và trong nước đã có nhiều thay đổi, tác động lớn đến sự phát triển của ngành dầu khí Việt Nam. Tình hình Biển Đông tiếp tục diễn biến theo hướng phức tạp, căng thẳng và mất ổn định hơn, đưa đến nhiều khó khăn, thách thức mới đối với hoạt động tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí trên biển của Việt Nam. Nhiều mỏ dầu khí đã qua giai đoạn khai thác đỉnh cao đang trong đà suy giảm sản lượng nhanh. Các Lô dầu khí mở có tiềm năng dầu khí hạn chế, trữ lượng nhỏ, thuộc vùng nước sâu, xa bờ hoặc có địa chất phức tạp, kết hợp với giá dầu biến động khó lường nên công tác kêu gọi đầu tư gặp rất nhiều khó khăn.

Như đã phân tích tại Mục I của Báo cáo này, trong quá trình thực hiện hoạt động dầu khí đã phát sinh một số bất cập, vướng mắc chưa được điều chỉnh bởi Luật Dầu khí và các VBQPPL hướng dẫn Luật hoặc quy định chưa phù hợp hoặc chưa đồng bộ, chồng chéo với các quy định pháp luật khác. Do vậy, hoạt động của các doanh nghiệp dầu khí khâu thượng nguồn cũng như công tác quản lý nhà nước đã gặp phải không ít vướng mắc, lúng túng.

Bên cạnh đó, những năm gần đây nhiều VBQPPL mới được ban hành tác động đến phạm vi điều chỉnh của Luật Dầu khí và các hoạt động dầu khí.

Do vậy, việc xây dựng Luật Dầu khí (sửa đổi) cho phù hợp với bối cảnh mới là cần thiết để loại bỏ các bất cập, vướng mắc phát sinh, đồng thời tạo hành lang pháp lý thuận lợi hơn cho nhà đầu tư, góp phần cải thiện môi trường đầu tư trong lĩnh vực dầu khí là cần thiết.

2. Một số mục tiêu, định hướng lớn xây dựng Luật Dầu khí (sửa đổi)

Trên cơ sở định hướng chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ của Đảng (Nghị quyết số 55-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 11 tháng 02 năm 2020, Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 23 tháng 7 năm 2015) và Chính phủ (Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2020), cùng các kiến nghị của các cơ quan nhà nước, PVN, các nhà đầu tư, người điều hành dầu khí từ thực tiễn triển khai, thi hành Luật Dầu khí có thể nêu một số mục tiêu, định hướng, quan điểm sửa đổi xây dựng Luật Dầu khí (sửa đổi), cụ thể như sau:

a. Mục đích

- Nâng cao tính thực tiễn, khả thi của Luật Dầu khí, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống luật pháp trong các hoạt động dầu khí, phù hợp với các cam kết quốc tế và thông lệ dầu khí quốc tế.

- Bảo đảm hoạt động dầu khí được an toàn cho con người và tài sản, bảo vệ tài nguyên, môi trường, đem lại hiệu quả, quyền lợi của quốc gia cũng như

các nhà đầu tư trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia của Việt Nam và tuân thủ pháp luật Việt Nam.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động dầu khí, hạn chế tối đa những khó khăn, vướng mắc do cơ chế, sự không rõ ràng, chồng chéo, bất cập của hệ thống pháp luật.

- Tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài và tư nhân trong lĩnh vực tìm kiếm, thăm dò và khai dầu khí trong bối cảnh hoạt động dầu khí ngày càng khó khăn, phức tạp nhất là những khu vực nước sâu, xa bờ, nhạy cảm về quốc phòng - an ninh.

b. Quan điểm

- Thể chế hóa các quan điểm, đường lối của Đảng, Nhà nước đối với các hoạt động dầu khí.

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về các hoạt động dầu khí; phát huy hơn nữa vai trò, trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ; tạo sự minh bạch rõ ràng, trong các quy trình, thủ tục triển khai các hoạt động dầu khí.

- Kế thừa và phát triển các quy định của pháp luật dầu khí hiện hành, đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong hoạt động dầu khí.

- Bảo đảm tính ổn định, nguyên tắc không hồi tố trong Luật Dầu khí để tránh các vướng mắc có thể xảy ra trong quá trình thực hiện các hợp đồng dầu khí đã ký kết.

- Dự kiến không phát sinh các thủ tục hành chính mới.

3. Các vấn đề, nguyên tắc chính trong việc xây dựng Luật Dầu khí (sửa đổi)

Nghiên cứu xem xét sửa đổi, bổ sung các quy định mang tính đặc thù của hoạt động dầu khí chưa được quy định đầy đủ, rõ ràng; khắc phục những bất cập, chồng chéo với các quy định pháp luật có liên quan; bổ sung các cơ chế chính sách ưu đãi đầu tư phù hợp với tình hình thực tế. Cụ thể như sau:

- a) Bổ sung đặt tên Điều của Luật Dầu khí và bố cục lại các Chương, Điều cho phù hợp, thống nhất.

- b) Điều chỉnh, bổ sung các quy định về Hợp đồng dầu khí theo hướng thời hạn hợp đồng cần linh hoạt hơn, có chính sách ưu tiên gia hạn cho Nhà thầu dầu khí hiện tại; cho phép giữ lại phát hiện nhỏ không có giá trị phát triển ở hiện tại, tuy nhiên có thể có tiềm năng ở những kế hoạch khác (hợp tác phát triển chung, công nghệ mới...).

- c) Hoàn thiện điều khoản ổn định pháp luật trong Luật Dầu khí, luật áp dụng và xử lý tranh chấp, đồng bộ, nhất quán với pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan.

- d) Bổ sung các quy định để mở rộng phạm vi đầu tư của dự án dầu khí thượng nguồn cho cả một số hạng mục trên bờ (trước đây thuộc dự án trung

nguồn và hạ nguồn) để tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho việc đầu tư vào chuỗi giá trị khí của ngành dầu khí, góp phần cải thiện mức độ hấp dẫn của môi trường đầu tư trong lĩnh vực dầu khí.

đ) Bổ sung khung pháp lý phù hợp cho việc tiếp nhận tài sản sau khi Nhà thầu hoạt động khai thác chuyển giao cho nước chủ nhà vào thời điểm kết thúc hợp đồng dầu khí để có thể khai thác tận thu tối đa nguồn tài nguyên trong thời gian còn lại (khoảng từ 3 đến 5 năm) hoặc tiếp tục đầu tư tận thăm dò, gia tăng sản lượng khai thác.

e) Bổ sung cơ chế khuyến khích phù hợp cho việc phát triển khai thác các mỏ nhỏ cận biên, các hoạt động đầu tư bổ sung nhằm nâng cao hệ số thu hồi dầu (EOR). Hoàn thiện quy định về dự án khuyến khích đầu tư dầu khí; bổ sung quy định về dự án đặc biệt khuyến khích đầu tư dầu khí cùng các định hướng về các chính sách thuế phù hợp (thuế tài nguyên, thuế xuất khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp,...).

g) Bổ sung quy định cụ thể về các bước triển khai dự án dầu khí thượng nguồn, bảo đảm đồng bộ với pháp luật đầu tư và quản lý vốn nhà nước. Cụ thể:

- Đối với các Nhà thầu nước ngoài:

+ Quy định cụ thể các bước triển khai, phê duyệt đối với trong các hoạt động dầu khí; có các quy định cụ thể hơn về việc ưu tiên áp dụng pháp luật dầu khí (Luật chuyên ngành) trong việc thực hiện các thủ tục đầu tư dự án dầu khí;

- Đối với các doanh nghiệp nhà nước (PVN, PVEP,...):

+ Làm rõ các bước trong Luật Dầu khí tương đương với các bước theo pháp luật về đầu tư và pháp luật về quản lý vốn nhà nước bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất và đặc thù của ngành dầu khí.

+ Xác định hình thức đầu tư các dự án dầu khí trong nước (là đầu tư dự án thông thường hay đầu tư ra ngoài doanh nghiệp để có cơ chế xử lý rõ ràng).

+ Xác định thẩm quyền, trình tự, thủ tục chấp thuận/phê duyệt dự án dầu khí khi PVN thực hiện quyền tham gia của nước chủ nhà hoặc thực hiện quyền ưu tiên mua trước trong hợp đồng dầu khí.

+ Bổ sung quy định về thủ tục/quy trình nhượng bán/quyền lợi tham gia của PVN/PVEP phù hợp với đặc thù hoạt động dầu khí.

h) Nghiên cứu việc các nhà thầu dầu khí (không thành lập pháp nhân mới tại Việt Nam) trong Hợp đồng dầu khí được bán chung các sản phẩm dầu khí của hoạt động dầu khí là đối tượng miễn trừ của Luật Cạnh tranh,...

i) Bổ sung quy định cụ thể về nghĩa vụ, trách nhiệm thu dọn công trình dầu khí.

k) Bổ sung một số quy định về chuẩn mực kế toán, công tác quyết toán, kiểm toán đối với hoạt động dầu khí.

l) Bổ sung làm rõ thêm một số khái niệm về hoạt động dầu khí, dự án đặc biệt khuyến khích đầu tư, các đối tượng dầu khí phi truyền thống: dầu khí sét

(Shale Oil/Gas), băng cháy (Gas Hydrate),... vào phạm vi điều chỉnh của Luật Dầu khí. Có các điều khoản ưu đãi hợp lý để thu hút vốn đầu tư cho hoạt động tìm kiếm, thăm dò và khai thác các đối tượng dầu khí phi truyền thống vì tiềm năng của các đối tượng này ở Việt Nam chưa được đánh giá tổng thể.

m) Xem xét, bổ sung quy định cho phép bên thứ ba tiếp cận các hạ tầng cơ sở sẵn có của ngành dầu khí.

Trên đây là báo cáo tổng kết thi hành Luật Dầu khí năm 1993, sửa đổi bổ sung năm 2000 và năm 2008 và một số định hướng xây dựng Luật Dầu khí (sửa đổi) trong thời gian tới. Kèm theo Báo cáo này là Bảng tổng hợp ý kiến góp ý sửa đổi Luật Dầu khí và danh mục các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Dầu khí.

Hơn 10 năm triển khai thực hiện Luật Dầu khí 2008 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã phát huy hiệu quả và tích cực đi vào thực tiễn, tuy nhiên đã bộc lộ rất nhiều phát sinh vướng mắc, hạn chế, bất cập. Trong bối cảnh đất nước ta hội nhập quốc tế càng sâu, rộng thì việc xây dựng Dự án Luật Dầu khí (sửa đổi) là hết sức cần thiết và kịp thời để tạo hành lang pháp lý đẩy mạnh công tác tìm kiếm thăm dò gia tăng trữ lượng và sản lượng khai thác dầu khí tại các khu vực tiềm năng, nước sâu, xa bờ gắn với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển và góp phần vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế đất nước./.

Bộ Công Thương kính báo cáo./.

BỘ CÔNG THƯƠNG

PHỤ LỤC

Các văn bản kèm theo

I. CÁC BÁO CÁO, VĂN BẢN

1. Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 23 tháng 7 năm 2015 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển ngành dầu khí Việt Nam giai đoạn đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035.

2. Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045.

3. Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045.

4. Quyết định số 1748/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Dầu khí Việt Nam đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035.

5. Thông báo số 2625/TB-TTKQH ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Tổng thư ký Quốc hội về kết luận của Chủ tịch Quốc hội tại buổi làm việc với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ngày 17 tháng 01 năm 2019.

6. Công văn số 1462/BC-UBKHCNMT14 ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Khoa học Công nghệ và Môi trường gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội về báo cáo kết quả làm việc tại Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

7. Công văn số 241-CV/BCSĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019 và Tờ trình số 10-TTr/BCSĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Ban Cán sự đảng Bộ Công Thương trình Bộ Chính trị về Báo cáo đánh giá 3 năm thực hiện Nghị quyết 41-NQ/TW ngày 23 tháng 7 năm 2015 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển ngành dầu khí Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035.

8. Các Văn bản số 440/DKVN-HĐTV ngày 22 tháng 01 năm 2016, số 2228/DKVN-PC&KTr ngày 24 tháng 4 năm 2019; số 2992/DKVN-QLHĐ ngày 05 tháng 6 năm 2019; số 237/DKVN-PC&KTr ngày 15 tháng 01 năm 2020 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc đánh giá tổng kết các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Luật Dầu khí

9. Văn bản số 442/TDKT-PC&TT ngày 04 tháng 3 năm 2020 của Tổng công ty Thăm dò Khai thác dầu khí về việc đánh giá tổng kết các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Luật Dầu khí.

10. Văn bản số 374/VDKVN-PTTT ngày 15 tháng 01 năm 2020 của Viện Dầu khí Việt Nam về việc đánh giá tổng kết các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Luật Dầu khí.

10. Các Văn bản góp ý về việc đánh giá tổng kết các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Luật Dầu khí của các Người điều hành/Liên doanh điều hành: Vietsovpetro, JVPC, BDPOC, PQPOC, HLHVJOC, CLJOC, ONGC, KrisEnergy, Idemitsu, ENI Vietnam, ExxonMobil, PremierOil, PVEP POC, Rosneft.

II. CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT DƯỚI LUẬT DẦU KHÍ DO CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ BAN HÀNH

1. Nghị định số 07/2018/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. (thay thế Nghị định số 149/2013/NĐ-CP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ).

2. Nghị định số 124/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí.

3. Nghị định số 95/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dầu khí (thay thế các Nghị định số 48/2000/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2000, số 34/2001/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2001 và số 115/2009/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ).

4. Nghị định số 33/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ ban hành Hợp đồng mẫu của Hợp đồng chia sản phẩm dầu khí (thay thế Nghị định số 139/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ).

5. Nghị định số 06/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2015 về việc ban hành Quy chế Tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

6. Nghị định số 13/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2011 của Chính phủ về an toàn công trình dầu khí trên đất liền và Nghị định số 25/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2011 của Chính phủ về an toàn công trình dầu khí trên đất liền.

7. Nghị định số 100/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ quy định thu phụ thu đối với phần dầu lãi được chia của nhà thầu dầu khí khi giá dầu thô biến động tăng.

8. Nghị định số 03/2002/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về bảo vệ an ninh, an toàn dầu khí.

9. Quyết định số 49/2017/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về thu dọn các công trình, thiết bị và phương tiện phục vụ hoạt động dầu khí (thay thế Quyết định số 40/2007/QĐ-TTg ngày 21 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ).

10. Quyết định số 04/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về quản lý an toàn trong hoạt động dầu khí (thay thế Quyết định số 41/1999/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ).

11. Quyết định số 84/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế khai thác dầu khí (thay thế Quyết định số 163/1998/QĐ-TTg ngày 07 tháng 9 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ).

12. Quyết định số 143/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí (đã được bãi bỏ bởi Quyết định số 01/2020/QĐ-TTg ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ).

13. Quyết định số 84/2005/QĐ-TTg ngày 20 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung danh mục các lô thuộc diện khuyến khích đầu tư dầu khí.

14. Quyết định số 46/2004/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế đảm bảo an toàn hệ thống đường ống vận chuyển khí trên đất liền./.